

Bản án số: 153/2020/DS-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Lê Diễm Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Liên

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm– Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên H – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2014/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2014 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở chính tại: xã M, huyện T, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Võ Phương B, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh – theo giấy ủy quyền số 821/GUQ-N ngày 26/5/2020 (*ông B có mặt*)

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thu N

Địa chỉ: Phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*bà N vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thúy H, địa chỉ: Phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*bà H vắng mặt*)

2. Bà Phạm Thị Ánh T, địa chỉ: xã Tr, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Phạm Văn L; địa chỉ: xã Tr, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh - theo giấy ủy quyền do Văn phòng Công chứng L1 chứng nhận ngày 10/3/2014 (ông L vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cho bà Đặng Thu N vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200522/HĐTD ngày 29/6/2012 vay số tiền 5.500.000.000 đồng, mục đích vay để mua nhà. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 15%/năm được áp dụng tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ lần đầu, các tháng tiếp theo được áp dụng theo lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp lãi suất cạnh tranh trên thị trường, tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng +6%/năm nhưng không được vượt quá trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Thời hạn cho vay 12 tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 26 theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ cuối cùng là 29/6/2013.

Để bảo đảm số tiền vay của bà N, bà Phạm Thị Ánh T ủy quyền cho bà Trần Thúy H làm đại diện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 831, 883, 841, 838, 876, 861, 875, 833, 834 thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 18673m<sup>2</sup> tại địa chỉ thửa đất xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, định giá 8.500.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 1901-LCP-201200613 ngày 30/6/2012 do Văn phòng công chứng L1 công chứng, bà Trần Thúy H làm đại diện cho bà Phạm Thị Ánh T thế chấp tài sản theo Hợp đồng ủy quyền công chứng số 00006988, quyền số 06/2012/TP/VPCC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng L1 công chứng ngày 05/11/2010. Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền vay, bà N đã vi phạm việc thanh toán cho Ngân hàng, không thanh toán bất kỳ khoản nợ gốc hoặc nợ lãi nào dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Tính đến thời điểm khởi kiện, 28/02/2014, bà Đặng Thu N còn nợ Ngân hàng 7.051.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 5.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.308.694.444 đồng; nợ lãi quá hạn: 242.305.556 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án, phía người có tài sản thế chấp là bà Phạm Thị Ánh T và Ngân hàng nhiều lần trao đổi, thỏa thuận để giải quyết về phần tài sản thế chấp. Ngày 03/9/2019 và 10/10/2019 chủ tài sản là bà T và Ngân hàng đã ký các biên bản làm việc về việc xử lý tài sản bảo đảm và biên bản thỏa thuận. Sau đó, tài sản thế chấp được các bên tự thỏa thuận và đưa ra bán đấu giá. Ngân hàng đã thu hết nợ gốc 5.500.000.000 đồng và một phần nợ lãi 510.000.000 đồng đối với khoản vay của bà Đặng Thu N. Tính đến ngày 15/4/2020, số tiền bà N còn nợ Ngân hàng là: 5.750.933.333 đồng. Gồm số tiền nợ lãi trong hạn: 3.938.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.812.283.333 đồng. Do các bên đã thỏa thuận và xử lý

xong tài sản đảm bảo nên Ngân hàng xin rút lại yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 831, 883, 841, 838, 876, 861, 875, 833, 834 thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 18673m<sup>2</sup> tại địa chỉ thửa đất xã P huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Ánh T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngân hàng chỉ còn yêu cầu bà Đặng Thu N phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/4/2020 là: 5.750.933.333 đồng. Gồm số tiền nợ lãi trong hạn: 3.938.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.812.283.333 đồng.

Bị đơn, bà Đặng Thu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thúy H mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Ánh T trình bày tại bản tự khai ngày 03/3/2014: Cha bà là ông Phạm Văn L nợ tiền của Ngân hàng nên nhờ bà H đứng tên vay giùm, bà T ủy quyền cho bà H thế chấp giấy tờ đất đứng tên bà T để vay tiền Ngân hàng N. Tòa án đã triệu tập ông L (là người đại diện hợp pháp của bà T) tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Long đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến hay phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Phương B trình bày: Do bà Đặng Thu N vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1901-LCP-201200613 ngày 29/6/2012. Ngày 3/9/2019 và ngày 10/10/2019 giữa Ngân hàng và bên có tài sản thế chấp là bà Phạm Thị Ánh T đã thỏa thuận việc xử lý tài sản thế chấp bằng cách đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 831, 883, 841, 838, 876, 861, 875, 833, 834 thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 18673m<sup>2</sup> tại địa chỉ thửa đất xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Ánh T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, Ngân hàng đã thu hồi được toàn bộ nợ gốc là 5.500.000.000 đồng và một phần nợ lãi vay là 510.000.000 đồng đối với khoản vay của bà N. Số tiền bà N còn nợ Ngân hàng là 5.750.933.333 đồng. Trong đó: nợ lãi trong hạn là 3.938.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.812.283.333 đồng. Do vậy, Ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn là 5.750.933.333 đồng, không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 831, 883, 841, 838, 876, 861, 875, 833, 834 thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 18673m<sup>2</sup> tại địa chỉ thửa đất xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 876815, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 434 QSDĐ/CQ do UBND huyện C Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2002. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn, bà Đặng Thu N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thúy H và bà Phạm Thị Ánh T (do ông Phạm Văn L là người đại diện theo ủy quyền) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:*

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200522/HĐTD ngày 29/6/2012, phụ lục hợp đồng 1901-LAV-201200522/PLHĐ ngày, căn cứ hợp đồng ủy quyền giữa bà T và bà H, căn cứ hợp đồng thế chấp, thì thể hiện bà N có vay của Ngân hàng số tiền 5.500.000.000 đồng, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất các thửa đất số 831, 883, 841, 838, 876, 861, 875, 833, 834 thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 18673m<sup>2</sup> tại địa chỉ thửa đất xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 876815, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 434 QSDĐ/CQ do UBND huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2002.

Căn cứ các biên bản thỏa thuận giữa các bên, bản bản làm việc xử lý tài sản, biên bản bán đấu giá tài sản và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ bảng lãi thì giữa nguyên đơn và bà Phạm Thị Ánh T đã thỏa thuận bán đấu giá tài sản để ngân hàng thu hồi nợ gốc và một phần nợ lãi. Số tiền bà N còn nợ là 5.750.933.333 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 3.938.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.812.283.333 đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt dù Tòa án triệu tập nhiều lần và vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ vào các điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N phải trả cho nguyên đơn khoản nợ còn lại là 5.750.933.333 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 3.938.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.812.283.333 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu phát mãi tài sản của nguyên đơn trong trường hợp bà N không trả được nợ do nguyên đơn rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – bà Đặng Thu N. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 01, quận Tân Bình thì bà Đặng Thu N có cư trú tại Phường D, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Bị đơn – bà Đặng Thu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thúy H và bà Phạm Thị Ánh T (do ông Phạm Văn L là người đại diện theo ủy quyền của bà T) mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét việc Ngân hàng N yêu cầu bà Đặng Thu N phải thanh toán số tiền tổng cộng: 5.750.933.333 đồng. Bao gồm nợ lãi trong hạn: 3.938.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.812.283.333 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200522/HĐTD ngày 29/6/2012, các phụ lục hợp đồng số 1901-LAV-201200522/PLHĐ ngày 13/5/2013, căn cứ trình bày, xác nhận của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định bà Đặng Thu N có vay của Ngân hàng N số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng, mục đích vay để mua nhà. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 15%/năm được áp dụng tháng đầu tiên kể từ ngày nhận nợ lần đầu, các tháng tiếp theo được áp dụng theo lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp lãi suất cạnh tranh trên thị trường, tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng +6%/năm nhưng không được vượt quá trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Thời hạn cho vay 12 tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 26 theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ cuối cùng là 29/6/2013. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận trong hợp đồng, không thanh toán bất kỳ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng. Đến ngày 30/12/2019, giữa nguyên đơn và bà Phạm Thị Ánh T đã thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp và ngân hàng đã thu hồi được toàn bộ số nợ gốc 5.500.000.000 đồng và một phần nợ lãi là 510.000.000 đồng. Hiện bà N còn nợ Ngân hàng số tiền 5.750.933.333 đồng. Bao gồm nợ lãi trong hạn: 3.938.650.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.812.283.333 đồng. Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu bà Đặng Thu N phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ 5.750.933.333 đồng nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn xin rút yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 831, 883, 841, 838, 876, 861, 875, 833, 834 thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 18673m<sup>2</sup> tại địa chỉ thửa đất xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 876815, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 434 QSDĐ/CQ do UBND huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2002 mà bà Phạm Thị Ánh T đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản nợ vay của bà Đặng Thu N do giữa Ngân hàng và bà T đã thỏa thuận bán đấu giá tài sản trên để thu hồi nợ, nên hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 113.750.933 đồng do bị đơn – bà Đặng Thu N phải chịu toàn bộ.

Hoàn trả lại cho Nguyên đơn - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.425.698 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Đặng Thu N vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất cứ một phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn, hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, bà N phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng N:

- Buộc bà Đặng Thu N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 5.750.933.333 (năm tỷ bảy trăm năm mươi triệu chín trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng. Bao gồm nợ lãi trong hạn: 3.938.650.000 (ba tỷ chín trăm ba mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng, nợ lãi quá hạn: 1.812.283.333 (một tỷ tám trăm mười hai triệu hai trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng để chấm dứt nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 0901-LAV-201200522/HĐTD ngày 29/6/2012.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 831, 883, 841, 838, 876, 861, 875, 833, 834 thuộc tờ bản đồ số 12, diện tích 18673m<sup>2</sup> tại địa chỉ thửa đất xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 876815, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 434 QSDĐ/CQ do UBND huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/9/2002 cho bà Phạm Thị Ánh T.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 113.750.933 (một trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn chín trăm ba mươi ba) đồng do bị đơn – bà Đặng Thu N phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N, toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.425.698 (năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm chín mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/06196 ngày 23/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thu N, bà Trần Thúy H và bà Phạm Thị Ánh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**